

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8- 2018

V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ru B, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 8, khu phố Trung Lợi, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn Ru B chung sống với nhau vào năm 1993 không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do ông B ham chơi cờ bạc, cá độ đá banh, đá gà. Tiền bạc vợ chồng làm được bao nhiêu thì ông B đem đi cờ bạc hết dẫn đến vợ chồng cãi vã, xô xát nhau. Đến năm 2012 thì vợ chồng sống ly thân, ông B bỏ đi bơi lội bên ngoài ít khi về nhà. Nay bà H nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Nguyễn

Văn A sinh năm 1994, Nguyễn Thị Thu B sinh năm 1996, Nguyễn Văn T sinh ngày 22/11/2004 hiện các con đang sống cùng bà H. Do cháu A, cháu B đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Đối với cháu T bà H yêu cầu được nuôi và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu tòa giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn Ru B để ông B đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông B vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của ông B được

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Bị đơn ông B vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 49/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2018 nhưng ông B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến

+ Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với đương sự: từ khi thụ lý vụ án tới nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 của BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn Ru B chung sống với nhau vào năm 1993 không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy căn cứ vào điều 14, điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên không công nhận bà H, ông B là vợ chồng

Về con chung: bà H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 22/11/2004, xét thấy bà H là lao động có thu nhập và ý kiến cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ do đề nghị HĐXX tuyên giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng không đặt ra do bà H không yêu cầu

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên cũng không đề cập.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1)} Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phan Thị H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014. Do bị đơn ông Nguyễn Văn Ru B có nơi cư trú tại tổ 8, khu phố Trung Lợi, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn Ru B nhưng do ông B đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng ông B vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông B chung sống vào năm 1993 không có đăng ký kết hôn. Bà H cho rằng quá trình chung sống bà H và ông B có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do ông B ham chơi cờ bạc, cá độ đá banh, đá gà. Tiền bạc vợ chồng làm được bao nhiêu thì ông B đem đi cờ bạc hết dẫn đến vợ chồng cãi vã, xô xát nhau. Đến năm 2012 thì ông bà sống ly thân, ông B bỏ đi bơi bờ bên ngoài ít khi về nhà nên bà H yêu cầu cho bà được ly hôn. Xét thấy, bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn Ru B chung sống với nhau từ năm 1993 không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng định pháp luật nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 14, điều 53 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận và Huyên và ông B là vợ chồng

{2.2} Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà H và ông B 03 con chung tên Nguyễn Văn A sinh năm 1994, Nguyễn Thị Thu B sinh năm 1996, Nguyễn Văn T sinh ngày 22/11/2004 hiện các con đang sống cùng bà H. Do cháu A, cháu B đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Đối với cháu T bà H yêu cầu được nuôi và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến điều thu nhập thực tế cũng như ý kiến, nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Xét thấy, hiện nay bà H là lao động có thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng và tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2018 (BL số 26) cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Đồng thời từ thời điểm bà H, ông B sống ly thân đến nay thì cháu Tài vẫn ở với bà H, bà H vẫn đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H về nuôi con chung, giao con chung tên Nguyễn Văn T sinh ngày 22/11/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

{2.3} Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

{2.4} Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận bà Phan Thị H và ông Nguyễn Văn Ru B là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Văn T sinh ngày 22/11/2004 cho bà Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009380 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Thành

Phạm Xuân Đỉnh

Ung Thị Ngọc Thanh